

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN PHƯỚC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 06 - 9 - 2019
V/v “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trà Thị Thanh Thắm;**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Khánh;

Bà Võ Thị Trà Giang;

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Tấn Nhựt** -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 02, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn 01, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn chị Tr, có mặt; Bị đơn anh Nguyễn Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Tr trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Nguyễn Văn L đã tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Cuộc sống vợ chồng từ sau khi kết hôn không được hạnh phúc, thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân do anh L thiếu trách nhiệm với gia đình. Hiện nay chị và anh L không sống chung với nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh L không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- *Về con chung*: Chị và anh Nguyễn Văn L có một người con chung là cháu Nguyễn Phúc L, sinh ngày 30/8/2017. Cháu L hiện nay đang được chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ. Vì vậy, sau khi ly hôn chị có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai có tại hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh đồng ý với ý kiến trình bày của nguyên đơn chị Tr về thời gian anh chị kết hôn. Anh thừa nhận cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị Tr sau khi kết hôn đã có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức độ phải ly hôn. Anh không thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị Tr.

Về con chung: Cháu Phạm Nguyễn Phúc L, sinh ngày 30/8/2017 là con chung của anh và chị Tr, hiện nay cháu L đang được chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị Tr ly hôn thì anh thống nhất giao cháu L cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Tr không có yêu cầu.

Về chia tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia Tố tụng. Đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Thu Tr được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Vì hiện nay cháu L đang được chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng và anh L thống nhất giao con chung cho chị Tr nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự về việc nuôi con chung. Giao cho chị Tr

nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Phúc L đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Thu Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Tr và anh Nguyễn Văn L kết hôn tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và về sống chung thì giữa anh, chị xảy ra mâu thuẫn. Qua xác minh tình trạng mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu Tr và anh Nguyễn Văn L tại chính quyền địa phương xã T, huyện T thể hiện: Sau khi kết hôn chị Tr và anh L không sinh sống tại địa phương mà vào tỉnh Đ lập nghiệp. Giữa chị Tr và anh L có xảy ra mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân hay không chính quyền địa phương không nắm rõ, địa phương chưa nhận được thông tin hay báo cáo gì về bạo lực gia đình cũng như việc sử dụng ma túy của anh L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị được ly hôn với anh L. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L, qua nội dung tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai anh thừa nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Tr có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức độ phải ly hôn và anh không thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị Tr. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù biết chị Tr kiên quyết đề nghị ly hôn với mình nhưng anh L đã làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không đến Tòa án để tham gia việc hòa giải. Điều này chứng tỏ anh không có thiện chí được đoàn tụ gia đình cùng chị Tr. Vì vậy, xét thấy quan hệ hôn nhân của chị Tr và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Thu Tr được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

[3] Về con chung: Hiện nay cháu Nguyễn Phúc L đang được chị Tr đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn L đã đi khỏi địa phương nơi cư trú nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung. Cháu L hiện nay còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của chị Tr, anh Nguyễn Văn L cũng thống nhất thỏa thuận để chị Tr là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự về việc nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần phải chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 246 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Tr, xử cho chị Nguyễn Thị Thu Tr được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2 .Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu Tr được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục người con chung chưa thành niên, cháu Nguyễn Phúc L, sinh ngày 30/8/2017 đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam theo biên lai thu số 0004374 lập ngày 16 tháng 4 năm 2019. Chị Tr đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (*06/9/2019*) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Phước;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- CCTHA huyện Tiên Phước;
- UBND xã T, huyện T.
- Lưu hồ sơ + án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Trà Thị Thanh Thắm